

Những bài văn mẫu Cảm hứng nhân đạo trong Độc Tiểu Thanh kí Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Dàn ý Cảm hứng nhân đạo trong Độc Tiểu Thanh kí chi tiết nhất

1.1. Mở Bài

Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề: Cảm hứng nhân đạo trong bài Độc Tiểu Thanh kí.

1.2. Thân Bài

- Giới thiệu về Nàng Tiểu Thanh.

- Phân tích:

* Hai câu đề:

Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư

Độc điếu song tiền nhất chỉ thư

- Hoa uyển: Vườn hoa (Vườn hoa Tây Hồ: một cảnh đẹp cụ thể) - Dịch thơ: Cảnh đẹp: một vẻ đẹp chung chung

- Tẫn: đến cùng, triệt để, hết - Dịch thơ: Hóa => nhẹ hóa đi chưa lột tả hết được sự biến đổi khắc nghiệt của thời gian.

- Câu thơ gợi ra một nghịch cảnh giữa quá khứ và hiện tại: Vườn hoa bên Tây Hồ nay đã thành bãi đất hoang rồi => Gợi sự xót xa trước sự đổi thay, sự tàn phá của thời gian đối với cái đẹp.

- "Nhất chỉ thư" " độc" trong "độc điếu", làm giảm đi ý nghĩa của câu thơ.

→ Cô đơn nhưng tương xứng trong cuộc gặp gỡ này. Một trạng thái cô đơn gặp một kiếp cô đơn bất hạnh.

=> Sự đồng cảm của Nguyễn Du

* Hai câu thực:

Chi phần hữu thân liên tử hậu

Văn chương vô mệnh lụy phần dư

- Sơn phấn: Sắc đẹp

- Văn chương: Tài hoa

→ Ca ngợi sắc đẹp và tài năng của nàng Tiểu Thanh.

- "Chôn", "đốt" là những động từ cụ thể hóa sự ghen ghét, sự vùi dập phũ phàng của người vợ cả đối với nàng Tiểu Thanh => Thái độ của xã hội phong kiến không chấp nhận những con người tài sắc.

→ Triết lý về số phận con người trong xã hội phong kiến: Tài hoa bạc mệnh, tài mệnh tương đố, hồng nhan đa truân... cái tài, cái đẹp thường bị vùi dập → Bên cạnh triết lý đó còn có sự ca ngợi, sự khẳng định trường tồn, bất tử của cái đẹp, tài năng ("văn hận, còn vương")

=> Giá trị nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du, sự xót xa cho những người vì sắc vì tài mà bị hủy hoại.

* Hai câu luận:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kì oan ngã tự cư

- "Cổ kim hận sự": Mỗi hận xưa và nay, mỗi hận muôn đời, mỗi hận truyền kiếp.

- Mỗi hận của những người tài hoa mà bạc mệnh.

→ Nỗi hận kia không phải là nỗi hận của riêng nàng Tiểu Thanh, của Nguyễn Du mà của tất cả những người tài hoa trong xã hội phong kiến.

- Thiên nan vấn: Khó mà hỏi trời được.

→ Đau đớn, phẫn uất cao độ trước một thực tế vô lí: Người có sắc thì bất hạnh, nghệ sĩ có tài thường cô độc.

- Kì oan: Nỗi oan lạ lùng

→ Nỗi oan do "nét phong nhã" gây ra. Vì có "nét phong nhã" mà mắc "oan khiên" thì thật là điều nghịch lý, trái ngang của cuộc đời.

=> Sự đồng cảm sâu sắc của Nguyễn Du với nàng Tiểu Thanh.

* Hai câu kết:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

- Nghệ thuật: Câu hỏi tu từ

→ Nguyễn Du khóc nàng Tiểu Thanh và bản thân, khóc cho chính mình: Tình cảm, cảm xúc thương thân mình, thân người trào lên mãnh liệt không kìm nén được.

=> Đó là nỗi cô đơn của nghệ sĩ lớn "Tiếng chim cô lẻ giữa trời thu khuya" (Xuân Diệu).

1.3. Kết Bài

Khẳng định giá trị nhân đạo trong bài thơ Độc Tiểu Thanh kí, ngòi bút nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du.

Các bài văn mẫu lớp 10 Cảm hứng nhân đạo trong Độc Tiểu Thanh kí hay nhất

Top 2 bài làm văn mẫu Cảm hứng nhân đạo trong Độc Tiểu Thanh kí ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

Cảm hứng nhân đạo trong Độc Tiểu Thanh kí Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Đại thi hào Nguyễn Du là nhà văn, nhà thơ nhân đạo và hiện thực lớn của văn học trung đại Việt Nam, thơ văn của ông tập trung thể hiện số phận bi đát của những con người sống trong xã hội phong kiến với những bất công, đau đớn. Có lẽ, đề tài về những con người tài hoa bạc mệnh được Nguyễn Du tập trung khai thác, bên cạnh truyện thơ Nôm Truyện Kiều, Nguyễn Du còn khắc họa hình ảnh của một số phận khác, con người khác, đó là nàng Tiểu Thanh trong "Độc Tiểu Thanh kí".

Độc Tiểu Thanh kí được Nguyễn Du viết trong một lần đi sứ Trung Quốc. Bài thơ chính là lời khóc thương, xót xa của Nguyễn Du dành cho nàng Tiểu Thanh. Tiểu Thanh là một cô gái có tài, có sắc, sống khoảng đầu đời Minh (Trung Quốc). Năm 16 tuổi, nàng làm vợ lẽ một người họ Phùng. Vợ cả ghen ghét đẩy nàng sống một mình trên núi Cô Sơn bên cạnh Tây Hồ đến đau buồn mà chết ở tuổi 18. Nguyễn

Du đã sáng tác khi được viếng mộ nàng Tiểu Thanh, biết về con người tài hoa nhưng cuộc đời bạc mệnh đó. Đọc được những vần thơ còn sót lại của Tiểu Thanh, Nguyễn Du đã xót xa, thương cảm thay cho số phận nàng. Mở đầu bài thơ, Nguyễn Du viết:

Tây Hồ hoa uyển tảo thành khư,
Độc điệu song tiền nhất chỉ thư.

(Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang,
Thôn thức bên song mảnh giấy tàn.)

Hai câu đề, Nguyễn Du đã khắc họa khung cảnh Tây Hồ. Đó là sự đối lập giữa quá khứ và hiện tại của cảnh vật. Cảnh đẹp xưa đã không còn, tất cả chỉ còn lại sự hoang tàn, hiu hắt và ảm đạm. Nếu xưa kia đây là một khu vườn có hương, có sắc thì bây giờ chỉ là bãi đất hoang. Qua đó, ta thấy được sự khắc nghiệt của thời gian tàn phá. Khu vườn đây là nơi Tiểu Thanh đã từng sống, nhưng lại là nơi nàng chôn vùi tuổi xuân. Trong cơn đau, nàng gửi gắm nỗi đau ấy qua những vần thơ. Nỗi đau của Tiểu Thanh khiến Nguyễn Du phải thổn thức khi đọc phần dư còn sót lại của tập thơ nàng đã sáng tác, phải xót thương thay cho số phận của nàng. Qua hai câu thơ, ta bắt gặp được sự đồng cảm của một linh hồn cô đơn với với một kiếp người đơn độc giữa cuộc đời. Đó là sự giao cảm giữa con người và cảnh vật, giữa tâm và cảnh. Hai câu thực là sự tiếc thương vô hạn đến vẻ đẹp và tài năng của nàng:

Chi phần hữu thân thiên tử hậu,
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.

(Son phần có thân chôn vẫn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương)

Ở hai câu thơ này, ta thấy Nguyễn Du nhắc đến sắc đẹp và tài năng của Tiểu Thanh. Nàng là một con người tài sắc vẹn toàn nhưng yếu mệnh. Son phần- chôn vẫn hận, văn chương- bị đốt dở, phải chẵn, số phận của những người con gái có sắc, tài năng lại thường ngắn ngủi. Bị "chôn, đốt" đây hẳn phải chẵn chính là sự vùi dập, ghen ghét, đố kỵ của người vợ cả đối với những con người đẹp và tài. Nói rộng ra hơn, đó là sự ganh ghét của xã hội phong kiến đối với những con người như Tiểu Thanh. Từ đây, ta thấy được triết lý về số phận con người trong xã hội phong kiến: tài hoa bạc mệnh, tài mệnh tương đố, hồng nhan đa truân,.. cái đẹp, cái tài thường sẽ bị vùi dập. Nhưng cho dù bị vùi dập như thế nào đi nữa thì nó vẫn trường tồn bền bỉ theo thời gian: vẻ đẹp chôn vẫn hận, văn chương dù có đốt vẫn cứ mãi vương vấn đến ba trăm năm sau. Hai câu thơ đã giúp ta thấy được giá trị

nhân đạo sâu sắc trong thơ của Nguyễn Du: luôn xót thương, đồng cảm đến những con người vì sắc, vì tài mà bị hủy hoại.

Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kì oan ngã tự cư.

(Nỗi hờn kim cổ trời khôn thấu,
Cái án phong lưu khách tự mang.)

Ở hai câu thơ này, Nguyễn Du khẳng định nỗi hờn xưa nay hỏi trời không thấu đó là nỗi hờn của kẻ tài hoa nhưng bạc mệnh. Đó là nỗi hận truyền kiếp, cũng là sự đồng cảm sâu sắc của tác giả với nàng Tiểu Thanh: mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã.

Rằng hồng nhan tự thuở xưa
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu

(Truyện Kiều)

Hai câu thơ thể hiện nỗi phẫn uất sâu sắc đến "thiên nan vấn"- khó hỏi trời được. Nỗi hận kia không chỉ của riêng Tiểu Thanh, của Nguyễn Du mà còn của tất cả những bậc nhân tài trong xã hội phong kiến. Câu thơ mang tính khái quát thể hiện đau đớn trước một thực tế vô lí: người có sắc thì bất hạnh, nghệ sĩ có tài thường cô độc. Có lẽ, nhờ đó mà thường có sự đồng cảm trong những cuộc gặp gỡ của tài tử giai nhân. Tác giả thực sự tri âm với người con gái bạc mệnh, để tự nhận mình cũng mắc chung một nỗi oan khiên như nàng vì nét phong nhã. Đó là nỗi đau, là tiếng khóc thương trước nghịch lý và trái ngang cuộc đời. Kết thúc bài thơ, Nguyễn Du đã bật ra tiếng khóc thương bằng câu hỏi tu từ:

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

(Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?)

Tiếng khóc thương này là tiếng khóc của một người tài hoa thương cho số phận của một số phận hồng nhan đa truân. Đó là kết quả của sự dồn nén cảm xúc của tác giả. Nguyễn Du khóc thương cho số phận của Tiểu Thanh, nhưng lại băn khoăn cho số phận của chính mình, Tiểu Thanh bạc mệnh nhưng ba trăm năm này có Nguyễn Du khóc thương, không biết sau khi Nguyễn Du chết thì ba trăm năm nữa ai sẽ khóc thương cho mình? Đó chính là nỗi niềm thương cảm của một tài năng khóc thương một tài năng và cho chính mình, đó là tiếng khóc của một cánh chim

lẻ loi, nổi cô đơn của nghệ sĩ lớn "Tiếng chim cô lẻ giữa trời thu khuya" (Xuân Diệu).

Bài thơ Độc Tiểu Thanh kí được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, đó là nỗi niềm của một tài năng trước sự vui dập của xã hội phong kiến. Sự đồng cảm với số phận của Tiểu Thanh trong bài thơ cũng chính là những xót xa của Nguyễn Du suy tư về số phận bất hạnh, oan trái của người phụ nữ có tài sắc. Qua đó, ta thấy được giá trị nhân đạo sâu sắc trong thơ văn Nguyễn Du.

Văn mẫu lớp 10 Cảm hứng nhân đạo trong Độc Tiểu Thanh kí mẫu 2

Trong gia tài thi ca phong phú của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, bộ phận thơ chữ Hán có vai trò khá đặc biệt. Đó là những bài mà Nguyễn Du có thể bộc lộ trực tiếp tâm tư, tình cảm. Bày tỏ những sự day dứt trần trở của mình. Trong bài thơ "Độc tiểu Thanh kí" những tâm sự ấy của Nguyễn Du lại có được sự tương đồng, gần gũi với cuộc đời, tài sắc mà bất hạnh của Tiểu Thanh. Bởi vậy bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa nỗi thương người và sự thương mình, giữa sự xót thương cho kiếp người bạc mệnh và lòng trân trọng ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của con người. Đó cũng là một phương diện quan trọng, sâu sắc trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du.

Trong thơ văn trung đại, không phải ít hình ảnh những người phụ nữ "tài hoa bạc mệnh" là nạn nhân của cái quy luật "Hồng nhan đa truân". Tuy nhiên, phải nói rằng chỉ đến Nguyễn Du mới xuất hiện cả một lớp người mang trọn cái kiếp số bạc mệnh ấy: Kiều, Đạm Tiên, người ca nữ đất Long thành...Số phận của họ nằm ở trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du và thể hiện tấm lòng nhân đạo bao la của ông. Bởi thế dễ hiểu vì sao cuộc đời Tiểu Thanh-một người con gái xa về thời gian, cách về không gian lại nhận được sự cảm thông sâu sắc như thể từ nhà thơ. Tiểu Thanh cũng đầy đủ về tài hoa, nhan sắc, nhất là tài hoa văn chương, thơ phú. Cuộc đời cuối cùng cũng vui chôn trong nấm mỗi khi đang trong độ xuân xanh tuổi trẻ. Phần tinh hoa để lại cho đời cũng tiêu tan chỉ vì cái lòng ghen tuông ích kỉ, tàn ác của người vợ cả. Sự biến đổi đau thương ấy của cuộc đời nàng như được hiện hữu trong cảnh vật:

"Hồ Tây cảnh đẹp hoá gò hoang
Thôn thức bên song mảnh giấy tàn"

Trong nguyên văn, Nguyễn Du dùng chữ "tận" như muốn xóa sạch mọi dấu vết của cảnh đẹp Tây Hồ, tô đậm thêm ấn tượng hoang vắng, tàn tạ của gò hoang. Sự biến đổi tang thương của cảnh gợi nỗi thương tâm đến người. Cảnh đẹp Tây Hồ giờ chỉ còn lại gò hoang cũng như tất cả những gì còn lại của Tiểu Thanh tài sắc chỉ là một mảnh giấy tàn, là phân dư cỏ. Nhưng chỉ từng ấy thôi cũng khiến nhà thơ một

mình thương cảm, xót xa mà khóc cho đời hồng nhan. Tiểu Thanh đời thực trong 300 năm trước cũng như nàng Kiều, người ca nữ đất Long thành đều phải hứng chịu.

"Rằng: Hồng nhan từ thuở xưa
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu (TK)"

Tài sắc của những con người ấy thì được ngợi ca là những giá trị tinh thần cao đẹp nhưng bản thân họ lại bị đày đọa, chà đạp. Nguyễn Du với tấm lòng nhân đạo bao la sâu sắc của mình đã thể hiện một sự đồng cảm, xót thương hết mức chân thành với số phận Tiểu Thanh. Đây là một nét mới mẻ trong chủ nghĩa nhân đạo Nguyễn Du. Đối tượng mà Nguyễn Du thương cảm, quan tâm không chỉ là "thập loại chúng sinh" đói nghèo đau khổ. Rất nhiều tình cảm của ông hướng về những kẻ tài hoa.

"Chi phần hữu thần liên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư "

Nhà thơ mượn hai hình ảnh "son phấn" và "văn chương" để diễn tả cho những đau đớn dầy vò về thể xác và tinh thần của Tiểu Thanh gửi gắm vào những dòng thơ. Theo quan niệm xưa, "son phấn" – vật trang điểm của phụ nữ có tinh anh (thần) vì gắn với mục đích làm đẹp cho phụ nữ. Cả 2 câu thơ cùng nhằm nhắc lại bi kịch trong cuộc đời Tiểu Thanh – 1 cuộc đời chỉ còn biết làm bạn với son phấn và văn chương để nguôi ngoai bất hạnh. Mượn vật thể để nói về người. Gắn với những vật vô tri vô giác là những từ ngữ chỉ cho tính cách, số phận con người như "thần" và "mệnh". Lối nhân cách hóa thể hiện rõ cảm xúc xót xa của nhà thơ về những bất hạnh của kiếp người qua số phận của Tiểu Thanh. Kết cục bi thảm của tiểu Thanh xuất phát từ sự ghen tuông, lòng đố kỵ tài năng của người đời. Dù chỉ là những đồ vật vô tri vô giác thì chúng cũng phải chịu số phận đáng thương như chủ nhân : son phấn bẽ bàng, văn chương đốt dở. Hai câu thơ đã gọi lên sự tàn nhẫn của bọn người vô nhân trước những con người tài hoa. Đồng thời, cũng thể hiện nhận thức của Nguyễn Du vốn rất nhạy cảm trước cuộc đời của khách "hồng nhan bạc phận", gắn với quan niệm "tài mệnh tương đố" của Nho gia. Vật còn như thế, huống chi người! Vượt lên mệnh là cả tấm lòng giàu cảm thương của Nguyễn Du.

Chính số kiếp của Tiểu Thanh tạo nên cái mối hận ngàn năm để Nguyễn Du nhắc đến trong hai câu luận:

"Mối hận kim cô trời khôn hỏi
Cái án phong lưu khách tự mang"

Mối hận kim cô ấy hỏi trời không thấu, hỏi đất không hay, chỉ có những kẻ cùng hội cùng thuyền là có thể cùng nhau than thở. Nguyễn Du tự nhận mình cũng mắc

cái nổi oan kỳ lạ vì nét phong nhã tài hoa. Nói cách khác sự đồng cảm lớn lao Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh có được bởi Nguyễn Du là người đồng cảnh. Lòng thương người khởi phát từ lòng thương mình nên càng chân thực và sâu sắc. Đúng như Mộng Liên Đường chủ nhân Nguyễn Đăng Tuyển từng nhận xét rằng: "Thuý Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như tử làm truyện Thuý Kiều, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời này, người đời này thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là cái mối thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy." Quả thực cái sự vô tình trớ trêu của tạo hoá với những kẻ tài năng đã trở thành mối hận của muôn đời và khắp chốn.

"Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hà hà nhân khắp Tố Như"

Như vậy tình thương của Nguyễn Du đối với Tiểu Thanh là tình cảm của những người tuy xa cách về hoàn cảnh nhưng tương đồng trong cảnh ngộ. Từ nỗi thương mình mà xót xa cho người. Và tự sự thương cảm cho người lại gọi lên biết bao băn khoăn, day dứt cho kiếp mình. Nguyễn Du khóc cho nàng Tiểu Thanh 300 năm trước bằng giọt lệ chân thành của trái tim đồng điệu, dòng suy tưởng đã đưa nhà thơ đến 300 năm sau cùng 1 mối hồ nghi khó giải tỏa. Bởi một lẽ, Tiểu Thanh rốt cuộc còn có được một Nguyễn Du tri âm tri kỷ rõ lệ xót xa. Ít hay nhiều linh hồn văn chương, nhan sắc, tài hoa "hữu thần" ấy còn có được sự an ủi. Nhưng còn nhà thơ lại tự cảm thấy sự cô độc lẻ loi trong hiện tại. Cũng là kẻ "tài tử đa cùng" lắm sự lận đận gian nan thì 300 năm sau biết còn ai trong thiên hạ tưởng nhớ, tiếc thương. Đó là cái tâm của sự băn khoăn không thể có lời giải đáp mà chỉ nhờ qua trường hợp Tiểu Thanh, Nguyễn Du mới có cơ hội suy ngẫm và gửi gắm. Câu hỏi người đời sau ẩn chứa 1 khát khao tìm gặp tấm lòng tri âm tri kỷ giữa cuộc đời.

Nhà thơ tự gọi mình bằng tên chữ "Tố Như" không phải mong "lưu danh thiên cổ" mà chỉ là tâm sự của 1 nỗi lòng tha thiết với cuộc đời. Câu thơ còn là tâm trạng bi phẫn của nhà thơ trước thời cuộc. Khóc người xưa, nhà thơ tự khóc cho chính mình, giọt lệ chảy quanh kết lại 1 bóng hình Nguyễn Du, lặng lẽ cô đơn khiến người đọc phải se lòng khi ngẫm đến những nỗi đau thấm thía và dày vò tinh thần của những người tài hoa phải sống trong bóng đêm hắc ám của 1 xã hội rẻ rúng tài năng.

Trong các tác phẩm của Nguyễn Du thì "Độc Tiểu Thanh Kí" quả là một bài thơ mang chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc. Trong thơ ông luôn hỏi trời về những đau khổ của con người nhưng thực tế trong đó, Nguyễn Du lại cho thấy nguyên nhân nhưng đau khổ của con người là do những thế lực thù địch chà đạp lên cuộc sống và quyền sống chính đáng của con người. Ông ngậm lên án xã hội phong kiến thối nát. Nguyễn Du đau nỗi đau của con người, hiểu thấu được nguyên nhân của

những bi kịch ấy nhưng Nguyễn Du bất lực bởi chính ông cũng là nạn nhân của những bẽ nhộm cuộc đời đó. Nỗi đau của Nguyễn Du, sự cô đơn của Nguyễn Du, tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du đều xuất phát từ một trái tim nghệ sĩ lớn.